

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Số : *896* /UBND-LĐT&XH

An Thi, ngày 28 tháng 7 năm 2020

V/v báo cáo kết quả thực hiện
Quyết định số 1555/QĐ- TTg

Kính gửi :

- Các phòng, ngành, đoàn thể: Lao động - TB&XH,
Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Công an, Tư pháp,
Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Huyện đoàn;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 1845/UBND- KGVX ngày 23 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 1555/QĐ-KGVX của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012- 2020, UBND huyện Ân Thi yêu cầu các phòng, ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn thực hiện một số nội dung sau:

1. Các phòng, ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn căn cứ Công văn trên của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 31/12/2012 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2012- 2020, lập báo cáo gửi UBND huyện Ân Thi (qua phòng Lao động TB&XH) trước ngày **03/8/2020**; file mềm gửi qua hòm thư điện tử: **Ldtbxh.at@hungyen.gov.vn**.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện chịu trách nhiệm đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo theo yêu cầu tại Công văn trên; tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 1555/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ gửi Sở Lao động-Thương binh và Xã hội và UBND huyện trước ngày **10/8/2020**.

(Sao gửi kèm Công văn số 2261/LĐT&XH ngày 17/7/2020 và đề cương báo cáo của Bộ Lao động TB&XH).

Nơi nhận: *slm*

- Như trên;
- Chủ tịch; Các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Lê Văn Chí

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2661 /LĐTBOXH-TE
V/v báo cáo đánh giá kết quả thực hiện
Quyết định số 1555/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Số: 2147
Ngày: 20/7/2020
Chuyển: Phòng
Lưu hồ sơ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 17 tháng 10 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1555/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012 – 2020.

Để đánh giá kết quả thực hiện Chương và đề xuất các mục tiêu, nội dung, hoạt động và giải pháp cụ thể trong việc xây dựng Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 – 2030, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các Sở, ngành liên quan tổ chức đánh giá cuối kỳ kết quả thực hiện Quyết định số 1555/QĐ-TTg (đề cương và biểu mẫu gửi kèm).

Báo cáo gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Cục Trẻ em, địa chỉ: Tầng 6, Khách sạn Công đoàn Quảng Bá, số 98 Tô Ngọc Vân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, điện thoại: 0243.7478459/0243.7475625, email: treem@molisa.gov.vn) trước ngày 31 tháng 7 năm 2020 để tổng hợp.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở LĐTBOXH các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, TE.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Thị Hà

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VÌ TRẺ EM GIAI ĐOẠN 2012 - 2020 (Chương trình 1555)

(Kèm theo Công văn số 2661/LĐTBXH-TE ngày 17 tháng 7 năm 2020
của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

1. Đánh giá công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Chương trình

a) Tình hình ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai Chương trình 1555 (Bảng 1.1 kèm theo)

b) Nguồn lực thực hiện Chương trình 1555

(Bảng 1.1, Bảng 1.2 kèm theo)

2. Đánh giá việc triển khai, thực hiện các nội dung của Chương trình 1555

a) *Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội để nâng cao nhận thức và chuyển đổi hành vi thực hiện các quyền của trẻ em.*

- Tình hình triển khai các chiến dịch, sự kiện truyền thông, vận động xã hội tham gia thực hiện quyền của trẻ em (Tháng hành động vì trẻ em, Ngày toàn dân đưa trẻ em đến trường, Ngày vi chất dinh dưỡng trẻ em, Diễn đàn trẻ em quốc gia; các sự kiện văn hóa, thể thao).

- Tình hình hỗ trợ trẻ em tổ chức các sự kiện, hoạt động truyền thông cho trẻ em và thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em.

- Tình hình tổ chức các hoạt động truyền thông đại chúng về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm truyền thông có chất lượng và phù hợp với các nhóm đối tượng.

(Bảng 2.1 kèm theo)

b) *Xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*

- Tình hình triển khai xây dựng văn bản

- Đánh giá chung về công tác xây dựng chương trình, kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em giai đoạn 2012 – 2020

c) Hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và thực hiện quyền trẻ em.

d) Sự tham gia các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, gia đình, cộng đồng, người dân và trẻ em tham gia bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em;

đ) Củng cố hệ thống tổ chức, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm việc với trẻ em ở các cấp, các ngành. Kiện toàn và phát triển mạng lưới cộng tác viên, tình nguyện viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở cơ sở. Nâng cao chất lượng công tác theo dõi, giám sát và đánh giá.

(Bảng 2.2 kèm theo).

3. Đánh giá các giải pháp thực hiện Chương trình

a) Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và thực hiện quyền trẻ em.

b) Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và thực hiện quyền trẻ em.

c) Xã hội hóa các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em:

d) Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế:

4. Đánh giá kết quả đạt được so với mục tiêu đầu kỳ

a) Đánh giá tác động của việc thực hiện các giải pháp của Chương trình

b) Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu/mục tiêu đã đề ra (phụ lục 2 kèm theo)

- Các mục tiêu, chỉ tiêu đạt so với Kế hoạch

- Các mục tiêu, chỉ tiêu không đạt so với Kế hoạch.

5. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện

a) Những khó khăn, vướng mắc

b) Nguyên nhân

c) Dự báo những thách thức

6. Bài học kinh nghiệm

a) Chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn

b) Phối hợp thực hiện

c) Phân bổ nguồn lực

d) Vận động xã hội

đ) Bài học khác

7. Đề xuất, kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đạt được, những khó khăn, bất cập trong việc thực hiện Chương trình và tình hình thực tiễn của địa phương đề xuất các mục tiêu, nội dung, hoạt động, giải pháp cụ thể trong việc xây dựng Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030.

Phụ lục 1: Số liệu thống kê các hoạt động của Chương trình 1555

Bảng 1.1. Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai Chương trình 1555 giai đoạn 2012 – 2020

TT	Tên văn bản (1)	Cơ quan ban hành (2)	Ngày ban hành (3)
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
....			

- Ghi cụ thể tên, số văn bản, cơ quan ban hành, ngày ban hành văn bản

Bảng 2.1. Truyền thông, vận động xã hội về quyền trẻ em giai đoạn 2012 -2020

Năm	Tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông, vận động xã hội thực hiện quyền của trẻ em			Hỗ trợ trẻ em tổ chức các sự kiện, hoạt động truyền thông cho trẻ em; Nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm truyền thông	
	Số lượng chiến dịch, sự kiện truyền thông, vận động xã hội được tổ chức trong năm	Ước tính tổng số đối tượng được truyền thông, vận động (người)	Kinh phí (1000đ)	Số lần hỗ trợ trẻ em tổ chức các sự kiện, hoạt động truyền thông cho trẻ em trong năm	Số lượng sản phẩm truyền thông được sản xuất trong năm
2012					
2013					
2014					
2015					
2016					
2017					
2018					
2019					
2020					

Bảng 2.2. Các chương trình, kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được xây dựng và triển khai trong giai đoạn 2012 - 2020

Tên chương trình, kế hoạch (1)	Giai đoạn (2)	
	2012 – 2015 (2a)	2016 - 2020 (2b)

Ghi chú:

Cột 1: Ghi đầy đủ tên chương trình, kế hoạch trong giai đoạn 2012 – 2020

Bảng 2.3. Tổ chức bộ máy bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp

Cấp quản lý	Số lượng người làm công tác BVCSTE (người) (1)			Mô hình tổ chức (chi cục, phòng) (2)	Mạng lưới liên ngành (Ban bảo vệ, chăm sóc trẻ em) (3)	
	Chuyên trách (1a)	Kiểm nhiệm (1b)	Tổng số (1c)		Có (số lượng) (3a)	Không (số lượng) (3b)
Giai đoạn 2012 – 2015						
Tỉnh						
Huyện						
Xã						
Mạng lưới cộng tác viên						
Giai đoạn 2016 - 2020						
Tỉnh						
Huyện						
Xã						
Mạng lưới cộng tác viên						

Ghi chú:

Cột 1a: ghi số lượng người làm công tác trẻ em chuyên trách theo mỗi cấp

Cột 1b: ghi số lượng người làm công tác trẻ em kiêm nhiệm theo mỗi cấp

Cột 1c: ghi tổng số người làm công tác trẻ em theo mỗi cấp

Cột 2: ghi bằng chữ mô hình tổ chức bảo vệ trẻ em ở mỗi cấp. Ví dụ cấp cấp tỉnh là chi cục hoặc phòng trẻ em

Cột 3a: Ghi số lượng mạng lưới liên ngành theo mỗi cấp

